

Số: 465/STTTT-BCVT

Kiên Giang, ngày 10 tháng 9 năm 2018

V/v sử dụng Mã bưu chính quốc gia trên
phong bì

Kính gửi:

- Các cơ quan, ban Đảng tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Hội đồng nhân dân;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
- Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật;
- Huyện ủy, thị ủy, thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các phường, xã, thị trấn;
- Bưu điện tỉnh Kiên Giang.

Thực hiện Công văn số 2523/BTTTT-BC ngày 02/8/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sử dụng Mã bưu chính quốc gia trên phong bì, theo Quyết định số 2475/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Mã bưu chính quốc gia.

Để việc chuyển phát thư từ, tài liệu giữa các cơ quan được nhanh chóng, chính xác, an toàn tới địa chỉ người nhận, Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị Quý cơ quan ghi bổ sung Mã bưu chính ở phần ghi địa chỉ cơ quan và hướng dẫn các cơ quan triển khai sử dụng Mã bưu chính lên phong bì như sau:

1. Cách gán Mã bưu chính lên phong bì:

Mã bưu chính gồm tập hợp 05 ký tự số

Cụ thể: Mã bưu chính được ghi phía sau tên tỉnh/thành phố và được phân cách với tên tỉnh/thành phố ít nhất 01 ký tự trống.

Ví dụ: Phong bì của Sở Thông tin và Truyền thông Kiên Giang có Mã số 91046 gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang có Mã số 91040 được thể hiện trên phong bì như sau:

Người gửi/ From: Sở Thông tin và Truyền thông

Số 123-125, đường Nguyễn Hùng Sơn,
phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá,
tỉnh Kiên Giang 91046

Người nhận/ To: Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

Số 06, đường Nguyễn Công Trứ,
Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá,
tỉnh Kiên Giang 91040

2. Tra cứu Mã bưu chính:

Để có thông tin về Mã bưu chính quốc gia, đề nghị Quý cơ quan tra cứu trên các trang thông tin điện tử:

- <http://stttt.kiengiang.gov.vn> tại mục Bưu chính - Viễn thông;
- <http://mic.gov.vn>
- <http://mabuuchinh.vn>; <http://postcode.vn>

hoặc trên cuốn Danh bạ Mã bưu chính quốc gia do Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông phát hành năm 2018.

Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn và đề nghị Quý cơ quan triển khai tổ chức thực hiện đúng theo Quyết định số 2475/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Phòng BCVT.



GIÁM ĐỐC

Đàm Văn Sơn

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	DTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
33			TỈNH KIÊN GIANG	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Kiên Giang	91000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	91001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	91002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	91003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	91004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	91005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	91009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	91010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	91011
		10	Báo Kiên Giang	91016
		11	Hội đồng nhân dân	91021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	91030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	91035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	91036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	91040
		16	Sở Công Thương	91041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	91042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	91043
		19	Sở Ngoại vụ	91044
		20	Sở Tài chính	91045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	91046
		22	Sở Văn hoá và Thể thao	91047
		23	Sở Du lịch	91048
		24	Công an tỉnh	91049
		25	Sở Nội vụ	91051
		26	Sở Tư pháp	91052
		27	Sở Giáo dục và Đào tạo	91053
		28	Sở Giao thông vận tải	91054
		29	Sở Khoa học và Công nghệ	91055
		30	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	91056
		31	Sở Tài nguyên và Môi trường	91057
		32	Sở Xây dựng	91058
		33	Sở Y tế	91060
		34	Bộ chỉ huy Quân sự	91061
		35	Ban Dân tộc	91062
		36	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	91063
		37	Thanh tra tỉnh	91064
		38	Trường chính trị tỉnh	91065
		39	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	91066
		40	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	91067
		41	Bảo hiểm xã hội tỉnh	91070

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		42	Cục Thuế	91078
		43	Cục Hải quan	91079
		44	Cục Thống kê	91080
		45	Kho bạc Nhà nước tỉnh	91081
		46	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	91085
		47	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	91086
		48	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	91087
		49	Liên đoàn Lao động tỉnh	91088
		50	Hội Nông dân tỉnh	91089
		51	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	91090
		52	Tỉnh đoàn	91091
		53	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	91092
		54	Hội Cựu chiến binh tỉnh	91093
	1		THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ	
		1	BC. Trung tâm thành phố Rạch Giá	91100
		2	Thành ủy	91101
		3	Hội đồng nhân dân	91102
		4	Ủy ban nhân dân	91103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91104
		6	P. Vĩnh Thanh Vân	91106
		7	P. Vĩnh Thanh	91107
		8	P. Vĩnh Quang	91108
		9	X. Phi Thông	91109
		10	P. Vĩnh Thông	91110
		11	P. Vĩnh Hiệp	91111
		12	P. Vĩnh Bảo	91112
		13	P. Vĩnh Lạc	91113
		14	P. An Hòa	91114
		15	P. Rạch Sỏi	91115
		16	P. Vĩnh Lợi	91116
		17	P. An Bình	91117
		18	BCP. Rạch Giá	91150
		19	BCP. COD Rạch Giá	91151
		20	BC. KHL Kiên Giang	91152
		21	BC. Bến Tàu Phú Quốc	91153
		22	BC. Huỳnh Thúc Kháng	91154
		23	BC. Nguyễn Thái Bình	91155
		24	BC. Quang Trung	91156
		25	BC. Vĩnh Hiệp	91157
		26	BC. An Hòa	91158
		27	BC. Mai Thị Hồng Hạnh	91159
		28	BC. Rạch Sỏi	91160
		29	BC. HCC thành phố Rạch Giá	91196
		30	BC. Hệ 1 Rạch Giá	91197
		31	BC. HCC Kiên Giang	91198

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	DTGM		
		32	BC. Hệ 1 Kiên Giang	91199
	2		HUYỆN TÂN HIỆP	
		1	BC. Trung tâm huyện Tân Hiệp	91200
		2	Huyện ủy	91201
		3	Hội đồng nhân dân	91202
		4	Ủy ban nhân dân	91203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91204
		6	TT. Tân Hiệp	91206
		7	X. Tân Hiệp B	91207
		8	X. Tân Hoà	91208
		9	X. Tân Thành	91209
		10	X. Tân Hội	91210
		11	X. Tân An	91211
		12	X. Tân Hiệp A	91212
		13	X. Thạnh Trị	91213
		14	X. Thạnh Đông A	91214
		15	X. Thạnh Đông	91215
		16	X. Thạnh Đông B	91216
		17	BCP. Tân Hiệp	91250
		18	BC. Tân Thành	91251
		19	BC. Thạnh Trị	91252
		20	BC. Kinh Tám	91253
		21	BC. KHL Tân Hiệp	91254
	3		HUYỆN HÒN ĐẤT	
		1	BC. Trung tâm huyện Hòn Đất	91300
		2	Huyện ủy	91301
		3	Hội đồng nhân dân	91302
		4	Ủy ban nhân dân	91303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91304
		6	TT. Hòn Đất	91306
		7	X. Mỹ Thái	91307
		8	X. Nam Thái Sơn	91308
		9	X. Bình Sơn	91309
		10	X. Bình Giang	91310
		11	X. Linh Huỳnh	91311
		12	X. Thổ Sơn	91312
		13	X. Sơn Kiên	91313
		14	X. Sơn Bình	91314
		15	TT. Sóc Sơn	91315
		16	X. Mỹ Lâm	91316
		17	X. Mỹ Phước	91317
		18	X. Mỹ Hiệp Sơn	91318
		19	X. Mỹ Thuận	91319
		20	BCP. Hòn Đất	91350
		21	BC. Bình Sơn	91351

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		22	BC. Sóc Xòai	91352
		23	BDVHX Kiên Hảo	91353
		24	BDVHX Hiệp Hòa	91354
	4		HUYỆN GIANG THÀNH	
		1	BC. Trung tâm huyện Giang Thành	91400
		2	Huyện ủy	91401
		3	Hội đồng nhân dân	91402
		4	Ủy ban nhân dân	91403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91404
		6	X. Tân Khánh Hòa	91406
		7	X. Phú Lợi	91407
		8	X. Vĩnh Điều	91408
		9	X. Phú Mỹ	91409
		10	X. Vĩnh Phú	91410
		11	BCP. Giang Thành	91450
		12	BDVHX Trần Thệ	91451
	5		THỊ XÃ HÀ TIÊN	
		1	BC. Trung tâm thị xã Hà Tiên	91500
		2	Thị ủy	91501
		3	Hội đồng nhân dân	91502
		4	Ủy ban nhân dân	91503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91504
		6	P. Đông Hồ	91506
		7	P. Bình San	91507
		8	X. Mỹ Đức	91508
		9	P. Pháo Đài	91509
		10	P. Tô Châu	91510
		11	X. Tiên Hải	91511
		12	X. Thuận Yên	91512
		13	BCP. Hà Tiên	91550
	6		HUYỆN KIÊN LƯƠNG	
		1	BC. Trung tâm huyện Kiên Lương	91600
		2	Huyện ủy	91601
		3	Hội đồng nhân dân	91602
		4	Ủy ban nhân dân	91603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91604
		6	TT. Kiên Lương	91606
		7	X. Kiên Bình	91607
		8	X. Hòa Điền	91608
		9	X. Dương Hòa	91609
		10	X. Bình An	91610
		11	X. Bình Trị	91611
		12	X. Sơn Hải	91612
		13	X. Hòn Nghê	91613
		14	BCP. Kiên Lương	91650

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	DTGM		
		15	BC. Ba Hòn	91651
		16	BC. Bình An	91652
		17	BĐVHX Cờ Trắng	91653
		18	BĐVHX Kênh Chín	91654
	7		HUYỆN CHÂU THÀNH	
		1	BC. Trung tâm huyện Châu Thành	91700
		2	Huyện ủy	91701
		3	Hội đồng nhân dân	91702
		4	Ủy ban nhân dân	91703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91704
		6	TT. Minh Lương	91706
		7	X. Giục Tượng	91707
		8	X. Mong Thọ B	91708
		9	X. Mong Thọ	91709
		10	X. Mong Thọ A	91710
		11	X. Thạnh Lộc	91711
		12	X. Vĩnh Hòa Hiệp	91712
		13	X. Vĩnh Hoà Phú	91713
		14	X. Bình An	91714
		15	X. Minh Hòa	91715
		16	BCP. Châu Thành	91750
		17	BC. Mong Thọ B	91751
		18	BC. Đại học Kiên Giang	91752
		19	BĐVHX Minh Hưng	91753
		20	BĐVHX Thạnh Lợi	91754
	8		HUYỆN AN BIÊN	
		1	BC. Trung tâm huyện An Biên	91800
		2	Huyện ủy	91801
		3	Hội đồng nhân dân	91802
		4	Ủy ban nhân dân	91803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91804
		6	TT. Thứ Ba	91806
		7	X. Hưng Yên	91807
		8	X. Tây Yên A	91808
		9	X. Tây Yên	91809
		10	X. Nam Yên	91810
		11	X. Nam Thái	91811
		12	X. Nam Thái A	91812
		13	X. Đông Thái	91813
		14	X. Đông Yên	91814
		15	BCP. An Biên	91850
		16	BC. Thứ 7	91851
	9		HUYỆN AN MINH	
		1	BC. Trung tâm huyện An Minh	91900
		2	Huyện ủy	91901

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	DTGM		
		3	Hội đồng nhân dân	91902
		4	Ủy ban nhân dân	91903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91904
		6	TT. Thứ Mười Một	91906
		7	X. Đông Thạnh	91907
		8	X. Đông Hòa	91908
		9	X. Thuận Hoà	91909
		10	X. Tân Thạnh	91910
		11	X. Đông Hưng A	91911
		12	X. Vân Khánh Đông	91912
		13	X. Vân Khánh	91913
		14	X. Vân Khánh Tây	91914
		15	X. Đông Hưng B	91915
		16	X. Đông Hưng	91916
		17	BCP. An Minh	91950
	10		HUYỆN U MINH THƯỢNG	
		1	BC. Trung tâm huyện U Minh Thượng	92000
		2	Huyện ủy	92001
		3	Hội đồng nhân dân	92002
		4	Ủy ban nhân dân	92003
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	92004
		6	X. An Minh Bắc	92006
		7	X. Minh Thuận	92007
		8	X. Vĩnh Hòa	92008
		9	X. Hoà Chánh	92009
		10	X. Thạnh Yên	92010
		11	X. Thạnh Yên A	92011
		12	BCP. U Minh Thượng	92050
	11		HUYỆN VĨNH THUẬN	
		1	BC. Trung tâm huyện Vĩnh Thuận	92100
		2	Huyện ủy	92101
		3	Hội đồng nhân dân	92102
		4	Ủy ban nhân dân	92103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	92104
		6	TT. Vĩnh Thuận	92106
		7	X. Phong Đông	92107
		8	X. Vĩnh Bình Nam	92108
		9	X. Vĩnh Bình Bắc	92109
		10	X. Bình Minh	92110
		11	X. Tân Thuận	92111
		12	X. Vĩnh Thuận	92112
		13	X. Vĩnh Phong	92113
		14	BCP. Vĩnh Thuận	92150
		15	BDVHX Ba Đình	92151
		16	BDVHX Bình Minh	92152

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	DTGM		
		17	BDVHX Đập Đá	92153
	12		HUYỆN GÒ QUAO	
		1	BC. Trung tâm huyện Gò Quao	92200
		2	Huyện ủy	92201
		3	Hội đồng nhân dân	92202
		4	Ủy ban nhân dân	92203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	92204
		6	TT. Gò Quao	92206
		7	X. Vĩnh Hòa Hưng Nam	92207
		8	X. Vĩnh Hòa Hưng Bắc	92208
		9	X. Định An	92209
		10	X. Định Hòa	92210
		11	X. Thới Quản	92211
		12	X. Thủy Liễu	92212
		13	X. Vĩnh Phước A	92213
		14	X. Vĩnh Phước B	92214
		15	X. Vĩnh Thắng	92215
		16	X. Vĩnh Tuy	92216
		17	BCP. Gò Quao	92250
		18	BDVHX Thới An	92251
	13		HUYỆN GIỒNG RIỀNG	
		1	BC. Trung tâm huyện Giồng Riềng	92300
		2	Huyện ủy	92301
		3	Hội đồng nhân dân	92302
		4	Ủy ban nhân dân	92303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	92304
		6	TT. Giồng Riềng	92306
		7	X. Ngọc Thành	92307
		8	X. Thạnh Hưng	92308
		9	X. Thạnh Bình	92309
		10	X. Thạnh Hòa	92310
		11	X. Bàn Tân Định	92311
		12	X. Bàn Thạch	92312
		13	X. Long Thạnh	92313
		14	X. Vĩnh Thạnh	92314
		15	X. Vĩnh Phú	92315
		16	X. Hòa Thuận	92316
		17	X. Ngọc Chúc	92317
		18	X. Ngọc Hoà	92318
		19	X. Hoà An	92319
		20	X. Hòa Hưng	92320
		21	X. Hoà Lợi	92321
		22	X. Ngọc Thuận	92322
		23	X. Thạnh Lộc	92323
		24	X. Thạnh Phước	92324

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		25	BCP. Giồng Riềng	92350
		26	BC. Long Thạnh	92351
	14		HUYỆN KIÊN HẢI	
		1	BC. Trung tâm huyện Kiên Hải	92400
		2	Huyện ủy	92401
		3	Hội đồng nhân dân	92402
		4	Ủy ban nhân dân	92403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	92404
		6	X. Hòn Tre	92406
		7	X. Lại Sơn	92407
		8	X. An Sơn	92408
		9	X. Nam Du	92409
		10	BCP. Kiên Hải	92450
		11	BC. Bãi Nhà A	92451
		12	BC. An Sơn	92452
		13	BC. Hòn Ngang	92453
	15		HUYỆN PHÚ QUỐC	
		1	BC. Trung tâm huyện Phú Quốc	92500
		2	Huyện ủy	92501
		3	Hội đồng nhân dân	92502
		4	Ủy ban nhân dân	92503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	92504
		6	TT. Dương Đông	92506
		7	X. Cửa Dương	92507
		8	X. Cửa Cạn	92508
		9	X. Dương Tơ	92509
		10	X. Hàm Ninh	92510
		11	X. Bãi Thơm	92511
		12	X. Gành Dầu	92512
		13	TT. An Thới	92513
		14	X. Hòn Thơm	92514
		15	X. Thổ Châu	92515
		16	BCP. Phú Quốc	92550
		17	BC. Gành Dầu	92551
		18	BC. An Thới	92552
		19	BC. Hòn Thơm	92553
		20	BC. Thổ Châu	92554
		21	BĐVHX Ông Lang	92555
		22	BĐVHX Bến Tràm	92556
		23	BĐVHX Suối Lớn	92557
		24	BĐVHX Bãi Bồn	92558
		25	BĐVHX Bãi Vòng	92559
		26	BĐVHX Cây Sao	92560
		27	BĐVHX Rạch Tràm	92561
		28	BĐVHX Xà Lục	92562